

Bản án số: **206/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 25 - 7 - 2024

“V/v: Không công nhận quan hệ  
vợ chồng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

2. Ông Bàn Đức Hiếu.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lương Diệu Linh - Thư ký viên  
Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham  
gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên  
Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân  
sự thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “*Không  
công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
37/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/7/2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- **Bị đơn:** Ông Vương Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà M, ông H đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Trần Thị M  
trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Vương Văn H được tự do tìm hiểu và chung  
sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện,  
được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng  
không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống  
hạnh phúc bình thường cùng nhau tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đến  
năm 2015 thì ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau,  
không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm và tin tưởng

nhau trong cuộc sống. Bà xác định không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn giữa bà với ông H đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay mỗi người một công việc không ai quan tâm đến nhau nữa. Bà đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Vương Văn H theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà và ông Vương Văn H có 02 con chung là Vương Tuấn A, sinh ngày 11/4/2001 và Vương Quốc C, sinh ngày 06/8/2004. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi sức khỏe phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai và công nợ chung*: Bà và ông Vương Văn H không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà M giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

**\* *Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Vương Văn H trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Trần Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc bình thường đến khoảng năm 2015 thì ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Thực tế ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến nhau nữa. Nay bà M đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Trần Thị M thì ông nhất trí, đề nghị giải quyết theo quy định.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống ông và bà Trần Thị M có 02 con chung là Vương Tuấn A, sinh ngày 11/4/2001 và Vương Quốc C, sinh ngày 06/8/2004. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai và công nợ chung*: Ông và bà Trần Thị M không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Vương Văn H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Qua xác minh tại địa phương thôn K, xã H, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay ông Vương Văn H là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bà Trần Thị M và ông Vương Văn H được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang ngày 25/6/2024 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang từ trước đến nay không thể hiện việc bà Trần Thị M có đăng ký kết hôn với ông Vương Văn H.

Về tài liệu, chứng cứ, các đương sự cung cấp cho Tòa án gồm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị M cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 01 Căn cước công dân của bà M (Bản sao chứng thực); 01 Giấy xác nhận thông tin về cư trú (bản chính); 02 Giấy khai sinh của cháu Vương Tuấn A và cháu Vương Quốc C (Bản sao chứng thực);

- Bị đơn ông Vương Văn H cung cấp cho Tòa án: Không.

\* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự chấp hành tốt các quy định pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử không công nhận bà Trần Thị M và ông Vương Văn H là vợ chồng.

- Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Vương Văn H không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Trần Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Vương Văn H nên xác định đây là vụ án “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin đương sự cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn ông Vương Văn H là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Vương Văn H chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay, trước khi chung sống ông bà được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý” và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Như vậy, bà M và ông H chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế bà M và ông H đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, trong thời gian sống ly thân bà M và ông H không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy bà M làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông H. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông H. Xét thấy yêu cầu của bà Trần Thị M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử không công nhận bà Trần Thị M và ông Vương Văn H là vợ chồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thị M và ông Vương Văn H có 02 con chung là Vương Tuấn A, sinh ngày 11/4/2001 và Vương Quốc C, sinh ngày 06/8/2004.

Hiện nay cả hai con chung đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên bà M và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, đất đai và công nợ chung: Bà Trần Thị M và ông Vương Văn H cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Vương Văn H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị M và ông Vương Văn H là vợ chồng.

**2.** Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000607 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 25 tháng 4 năm 2024). Ghi nhận bà Trần Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Ông Vương Văn H không phải chịu án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị M và ông Vương Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức (Đề biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Tùng**